

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2017/DS-ST**

Ngày: 19/7/2017

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Hữu Tâm.

2. Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2017/TLST - DS, ngày 25 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông **Nguyễn Quốc T**

2. Bà **Trần Thị D**

Cùng địa chỉ: ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông **Đinh Tuấn K**, địa chỉ: ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị D cùng trình bày: Vào ngày 24/3/2015, ông Đinh Tuấn K có vay của vợ chồng ông T và bà D số tiền vốn 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/ tháng, thời gian vay là 02 tháng và ông K có làm giấy nợ cho vợ chồng ông bà. Sau khi vay, ông K có đóng lãi cho vợ chồng ông bà được 03 tháng lãi với số tiền 1.500.000 đồng, số còn lại không có đóng lãi và trả vốn cho vợ chồng ông T, bà D.

Nay vợ chồng ông T, bà D yêu cầu ông K hoàn trả 10.000.000 đồng vốn và lãi suất theo nhà nước quy định kể từ ngày 24/7/2015 đến khi xét xử sơ thẩm.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 23/6/2017 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đinh Tuấn K trình bày: Ông K thừa nhận lời trình bày của vợ chồng ông T và bà D là đúng, nhưng phần lãi ông đóng cho vợ ông T, bà D được 10 tháng với số tiền lãi là 5.000.000 đồng, hiện nay còn nợ ông T, bà D số tiền 10.000.000 đồng vốn và lãi theo nhà nước quy định, nhưng xin trả hàng tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 474 và Điều 476 BLDS năm 2005; xử buộc ông K trả cho ông T, bà D số tiền vốn 10.000.000 đồng và tính lãi theo nhà nước quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Vào ngày 24/3/2015, ông Đinh Tuấn K có vay của vợ chồng ông T và bà D số tiền vốn 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/ tháng, thời gian vay là 02 tháng và ông K có làm giấy nợ cho vợ chồng ông T, bà D. Sau khi vay, ông K có đóng lãi cho vợ chồng ông T, bà D được 03 tháng lãi với số tiền 1.500.000 đồng, số còn lại không có đóng lãi và trả vốn cho vợ chồng ông T, bà D. Phía ông K thừa nhận có vay của vợ chồng ông T và bà D số tiền 10.000.000 đồng, nhưng phần lãi ông đóng cho vợ ông T, bà D được 10 tháng với số tiền lãi là 5.000.000 đồng, hiện nay còn nợ ông T và bà D số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất theo nhà nước quy định và xin trả hàng tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Xét thấy, về thời gian vay tiền, số tiền vốn gốc vay hai bên đều thống nhất. Đối với tiền lãi ông K cho rằng đã đóng lãi cho vợ chồng ông T, bà D được 10 tháng với số tiền lãi tổng cộng 5.000.000 đồng. Phía vợ chồng ông T, bà D thừa nhận có nhận lãi của ông K tổng cộng 03 tháng là 1.500.000 đồng, phần lãi chênh lệch ông K cho rằng đã đóng cho vợ chồng ông T, bà D (5.000.000đ-

1.500.000đ) là 3.500.000 đồng thì vợ chồng ông T, bà D không thừa nhận. Phía ông K không có chứng cứ để chứng minh cho việc ông K đóng tiền lãi chênh lệch là 3.500.000 đồng. Do đó, có căn cứ khẳng định ông K chỉ đóng lãi cho ông T, bà D 03 tháng là 1.500.000 đồng, chứ không phải ông K đóng lãi cho ông T, bà D 5.000.000 đồng như ông K đã khai.

Từ những phân tích trên, có chứng cứ để chứng minh ông K có vay của ông T, bà D 10.000.000 đồng vốn gốc và đã đóng lãi cho ông T, bà D 03 tháng được 1.500.000 đồng. Tại toà, ông T và bà D yêu cầu ông K trả 10.000.000 đồng vốn, lãi suất theo theo Nhà nước quy định và trả đủ trong thời gian ngắn. Phía ông K đồng ý trả cho ông T và bà D tiền vốn 10.000.000 đồng và lãi theo Nhà nước quy định, nhưng xin trả đủ trả hàng tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

[2] Do giao dịch dân sự đang được thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng mức lãi suất (nội dung) khác với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vụ án này cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết vụ án. Riêng phần án phí, lãi suất chậm trả và các phần khác áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng vay tài sản giữa các bên đương sự nhận thấy: Ông T, bà D và ông K là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần giải quyết hậu quả xảy ra từ hợp đồng này theo quy định tại Điều 389, khoản 1 Điều 401 và Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[4] Xét về lỗi: Ông K là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, chính việc vi phạm nghĩa vụ của ông K đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của ông T, bà D. Do đó, ông K phải có nghĩa vụ trả vốn và lãi cho ông T, bà D theo quy định tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự.

[5] Xét về mức lãi suất do hai bên thỏa thuận: Theo hai bên thỏa thuận thì mức lãi suất hàng tháng là 5%/tháng là quá cao so với quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự.

Từ phân tích trên, cho thấy ông K vay của ông T, bà D 10.000.000 đồng từ ngày 24/3/2015AL (nhằm ngày 12/5/2015DL) và có đóng lãi 05%/tháng cho ông T, bà D từ tháng 6 đến ngày 12/8/2015 với số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các Điều 471 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự cần điều chỉnh phần lãi suất như sau:

- Tiền vốn gốc 10.000.000 đồng, tính từ ngày 12/5/2015 đến ngày 12/6/2015 là 01 tháng với lãi suất 1,125%/ tháng được tính cụ thể như sau:

+ Tiền lãi suất theo ngân hàng Nhà nước quy định: $10.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times 01 \text{ tháng} = 112.500đ$.

+ Tổng cộng vốn và lãi là $10.000.000đ + 112.500đ = 10.112.500đ$.

Khấu trừ phần lãi đã đóng là 500.000đ vào phần vốn gốc, lãi tính đến ngày 12/6/2015: $10.112.500đ - 500.000đ = 9.612.500đ$ (vốn gốc còn lại).

- Tiền vốn gốc 9.612.500 đồng, tính từ ngày 12/6/2015 đến ngày 12/7/2015 là 01 tháng với lãi suất 1,125%/ tháng được tính cụ thể như sau:

+ Tiền lãi suất theo ngân hàng Nhà nước quy định: $9.612.500đ \times 1,125\%/tháng \times 01 \text{ tháng} = 108.140đ$.

+ Tổng cộng vốn và lãi là $9.612.500đ + 108.140đ = 9.720.640đ$.

Khấu trừ phần lãi đã đóng là 500.000đ vào phần vốn gốc, lãi tính đến ngày 12/6/2015: $9.720.640đ - 500.000đ = 9.220.640đ$ (vốn gốc còn lại).

- Tiền vốn gốc 9.220.640.đồng, tính từ ngày 12/7/2015 đến ngày 12/8/2015 là 01 tháng với lãi suất 1,125%/ tháng được tính cụ thể như sau:

+ Tiền lãi suất theo ngân hàng Nhà nước quy định: $9.220.640đ \times 1,125\%/tháng \times 01 \text{ tháng} = 103.732đ$.

+ Tổng cộng vốn và lãi $9.220.640đ + 103.732đ = 9.324.372đ$.

Khấu trừ phần lãi đã đóng là 500.000đ vào phần vốn gốc, lãi tính đến ngày 12/8/2015: $9.324.372đ - 500.000đ = 8.824.372đ$ (vốn gốc còn lại).

- Tiền vốn gốc 8.824.372đ, tính từ ngày 12/8/2015 đến ngày 19/7/2017 là 21 tháng 7 ngày với lãi suất 1.125%/ tháng được tính cụ thể như sau:

$8.824.372đ \times 1,125\%/tháng \times 21 \text{ tháng } 7 \text{ ngày} = 2.107.917đ$.

Tổng cộng vốn và lãi của số tiền vay $8.824.372đ + 2.107.917đ$ là 10.932.289 đồng.

Như vậy, ông K có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng ông T và bà D số tiền vốn lẫn lãi là 10.932.289 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của Đình Tuấn K cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, yêu cầu này của ông K không được vợ chồng ông T, bà D đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông K vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên ông K phải chịu án phí giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS và điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông K phải chịu án phí là 546.614 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: căn cứ vào các Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như nhận định trên.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 389, khoản 1 Điều 401, Điều 471, khoản 5 Điều 474 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

1/. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị D. Xử buộc ông Đinh Tuấn K có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị D số tiền vốn lẫn lãi là 10.932.289 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và vợ chồng ông T, bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/. Án phí dân sự sơ thẩm:

* Ông Đinh Tuấn K phải phải chịu 546.614đồng;

* Ông Nguyễn Quốc T và bà Trần Thị D không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông T và bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0005833, ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

3/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

Hồ Văn Phụng